

Bản án số: 168/2022/DS-ST

Ngày: 23/9/2022

V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Hồng Đức**

Ông Nguyễn Văn Trình

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thoảng - Thư ký, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tham gia phiên tòa: Bà Trần Lê Phụng – kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 76/2022/TLST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2022/QĐXXST-DS ngày 22/8/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 104/2022/QĐHPT-DS ngày 06/9/2022 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Dương Thị Ngọc S, sinh năm 1985. Địa chỉ: đường L, phường H, quận K, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Lê V, sinh năm 1976. Địa chỉ: đường Đ, Phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (theo giấy ủy quyền được công chứng tại VPCC Phạm Văn V ngày 10/6/2022). Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Hoàng Thị Xuân Th, sinh năm 1969; Địa chỉ: đường M, phường K, quận C, TP Đà Nẵng. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Hoàng Xuân T, sinh năm 1967; Địa chỉ: đường M, phường K, quận C, TP Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/5/2022, bản tự khai đề ngày 22/6/2022 của nguyên đơn và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Lê V trình bày:**

Thông qua mối quan hệ quen biết, từ 12/11/2018 đến tháng 11/2019 bà Dương Thị Ngọc S có cho bà Hoàng Thị Xuân Th mượn 3 lần tiền, lần đầu vào

ngày 12/11/2018, bà S cho ông Hoàng Xuân T là anh ruột của bà Th mượn số tiền 150.000.000 đồng, đến 26/11/2018 bà S tiếp tục cho bà Th mượn số tiền 100.000.000 đồng, đến ngày 20/11/2019 bà Th mượn thêm 100.000.000 đồng và viết chung lại giấy mượn tiền thừa nhận bà Th mượn tổng cộng là 350.000.000 đồng (bao gồm luôn cả số tiền bà S cho ông T mượn); với mục đích bổ sung vốn kinh doanh, buôn bán làm ăn. Vì tin tưởng nên bà S đã cho mượn, khi mượn tiền bà Th đều có viết giấy mượn tiền và hẹn 30 ngày sẽ trả đủ lại tiền cho bà S, ngày 20/11/2019 bà Th viết giấy chung lại thì hẹn đến ngày 22/02/2020 giải quyết xong việc sẽ trả lại tiền cho bà S hoặc ngày 20 hằng tháng sẽ trả dần mỗi tháng 50.000.000 đồng cho đến khi hết nợ và bà Th có đưa cho bà S bản photo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Th đứng tên để làm tin. Qua nhiều tháng bà S yêu cầu trả nợ nhưng bà Th chây ỳ, hứa hẹn nhiều lần không trả khoản tiền nào cho bà S.

Nay bà S khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Hoàng Thị Xuân Th phải trả cho bà S tổng số tiền đã mượn là 350.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

*** Bị đơn Hoàng Thị Xuân Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Xuân T:** mặc dù đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến nơi cư trú của bà Th, ông T tại địa chỉ 173 và 173A đường M, phường K, quận C và đã xác minh được địa chỉ 173A và 173 đường M, phường K (là cùng một địa chỉ) đúng là nơi đăng ký thường trú và cư trú của bà Hoàng Thị Xuân Th, ông Hoàng Xuân T nhưng bà Th, ông T đều không có mặt tại địa phương, đã bỏ đi đâu không rõ, người nhà là cha mẹ bà Th, ông T không chịu nhận các văn bản của Tòa án; Do đó Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định. Quá trình giải quyết vụ án bà Th và ông T không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không đến Tòa án để làm việc, vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị Ngọc S.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Với chứng cứ do nguyên đơn xuất trình, cũng như bản tự khai của nguyên đơn, trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa: thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị Ngọc S và buộc bị đơn bà Hoàng Thị Xuân Th phải có trách nhiệm trả nợ cho bà Dương Thị Ngọc S tổng số tiền đã mượn là 350.000.000đ. Vì vậy đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” của nguyên đơn bà Dương Thị Ngọc S đối với bị đơn bà Hoàng Thị Xuân Th. Buộc bà Hoàng Thị Xuân Th phải trả cho bà Dương Thị Ngọc S số tiền đã mượn còn nợ

là 350.000.000 đồng một lần, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên không xem xét. Bị đơn chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Dương Thị Ngọc S khởi kiện bị đơn là bà Hoàng Thị Xuân Th để yêu cầu bà Th trả số tiền mượn còn nợ theo giấy mượn tiền. Đây là quan hệ hợp đồng vay tài sản theo quy định tại điều 116, Điều 463 Bộ luật dân sự. Bị đơn có địa chỉ nơi cư trú trên địa bàn quận C, thành phố Đà Nẵng. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận C theo quy định.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng đến nơi cư trú của bị đơn tại địa chỉ 173A và 173 đường M, phường K, quận C và đã xác minh xác định được địa chỉ này đúng là nơi thường trú, cư trú của bị đơn Hoàng Thị Xuân Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hoàng Xuân T. Tuy nhiên, qua xác minh biết được bà Th và ông T đã đi khỏi địa phương, bỏ đi đâu không rõ, người nhà đang ở tại địa chỉ trên là cha mẹ bà Th và ông T không chịu nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nên Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà bà Th và ông T đều không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không đến Tòa án để làm việc, vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; thể hiện bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã từ bỏ quyền và không chấp hành nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền vay mượn là 350.000.000 đồng:

Ngày 12/11/2018 ông Hoàng Xuân T (đại diện Công ty XD và TM S) ký giấy mượn tiền bà Dương Thị Ngọc S với số tiền mượn là 150.000.000 đồng, mục đích bổ sung vốn kinh doanh và hẹn 30 ngày sau sẽ trả lại cho bà S. Đến ngày 26/11/2018 bà Hoàng Thị Xuân Th tiếp tục nhận thêm của bà Th số tiền 100.000.000 đồng và ghi chung vào bên dưới giấy mượn tiền ngày 12/11/2018. Đến ngày 20/11/2019 bà Th tự ghi giấy mượn tiền viết tay, ghi mượn số tiền chung

lại là 250.000.000 đồng (giấy mượn tiền ngày 12/11/2018 được bà Th thu hồi xé bỏ) và cam đoan đến ngày 22/02/2020 sẽ trả hết số tiền hoặc ngày 30 hằng tháng sẽ trả dần 50.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ; phía cuối giấy mượn tiền này bà S tự ghi mượn thêm “Vào ngày 26/11/2020 bà Th có mượn thêm số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng)” và ký tên người cho mượn, sau đó gạch bỏ dòng chữ này. Mặt khác phần số và phần chữ của cụm từ “hai” trăm năm mươi triệu’ do bà Th ghi ở trên được sửa thành cụm từ “ba” trăm năm mươi triệu. Bà S cho rằng bà Th đã mượn 350.000.000 đồng ghi chung lại thành giấy ngày 20/11/2019 và việc sửa cả phần số và phần chữ “hai” thành chữ “ba” là do bà Th sửa, bà Th không ghi thêm bên dưới mà sửa cụm từ ở trên, nên bà S yêu cầu bà Th trả khoản tiền mượn tổng cộng là 350.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử thấy rằng, giấy mượn tiền ngày 12/11/2018 thể hiện ông T có ký giấy mượn tiền bà S 150.000.000 đồng với tư cách là đại diện Công ty XD & TM S, qua xác minh tại Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư xác định Công ty S đã bị thu hồi giấy phép đăng ký kinh doanh; đồng thời ngày 26/11/2018, bà Th nhận thêm số tiền 100.000.000 đồng của bà S và ghi vào bên dưới giấy ngày 12/11/2018. Đến ngày 20/11/2019 bà Th tự ghi giấy mượn tiền viết tay, ghi mượn số tiền chung lại tổng cộng là 250.000.000 đồng là tổng kết lại số tiền của giấy mượn tiền 12/11/2018 và 26/11/2018, điều này thể hiện bà Th thừa nhận là người chịu trách nhiệm mượn tiền đối với toàn bộ khoản tiền ông T và bà Th đã ký mượn. Đồng thời nguyên đơn bà Dương Thị Ngọc S cũng đã xác định người mượn tiền là bà Hoàng Thị Xuân Th và khởi kiện yêu cầu bị đơn là bà Th trả tiền. Do đó để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự, Tòa án xác định ông Hoàng Xuân T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả khoản tiền mà bà Th đã tự ghi chung lại trong giấy ngày 20/11/2019 số tiền mượn của bà S tổng cộng là 250.000.000 đồng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với dòng chữ ghi mượn thêm “Vào ngày 26/11/2020 bà Th có mượn thêm số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng)” là do bà S ghi và ký tên người cho mượn, sau đó gạch bỏ dòng chữ này. Ngoài ra việc sửa chữ “hai” thành chữ “ba” trong cụm từ “hai trăm năm mươi triệu” thành “Ba trăm năm mươi triệu” sửa cả phần chữ và phần số ở phần trên của giấy ngày 20/11/2019 thì bà S khai là do bà Th sửa thì thấy rằng: bị đơn là bà Th không có mặt tại địa phương, Tòa án không thể lấy lời khai của bà Th, hoặc đối chất với nguyên đơn về việc ai là người sửa giấy mượn tiền, dòng chữ bên dưới cũng không phải do bà Th ghi. Không thể xác định được có việc mượn thêm 100.000.000 đồng vào ngày 26/11/2020 hay không. Do đó, HĐXX không chấp nhận khoản tiền 100.000.000 đồng ghi thêm và sửa chữa vào giấy mượn tiền này.

[2.2] Về lãi: Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử

buộc bà Hoàng Thị Xuân Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với một phần nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận, phần không phù hợp Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 250.000.000 đồng nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $250.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 12.500.000 \text{ đồng}$.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với khoản tiền 100.000.000 đồng không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí đối với phần không được chấp nhận là 5.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn các Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 271, 272 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 280, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử : Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Ngọc S đối với bà Hoàng Thị Xuân Th về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Buộc bà Hoàng Thị Xuân Th phải thanh toán cho bà Dương Thị Ngọc S một lần số tiền **250.000.000 đồng** (*hai trăm năm mươi triệu đồng*).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Ngọc S đối với yêu cầu buộc bà Hoàng Thị Xuân Th trả khoản tiền **100.000.000 đồng** (do ghi thêm, sửa chữa).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Dương Thị Ngọc S có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền bà Hoàng Thị Xuân Th phải thanh toán, nếu bà Hoàng Thị Xuân Th không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì hàng tháng phải chịu thêm khoản lãi tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hoàng Thị Xuân Th phải chịu số tiền án phí: 12.500.000 đồng.

Bà Dương Thị Ngọc S phải chịu án phí 5.000.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.750.000 đồng theo biên lai thu số 0001916 ngày 31/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố Đà Nẵng. Hoàn trả cho bà Dương Thị Ngọc S số tiền tạm ứng án phí là 3.750.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 23/9/2022.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Bàng